

# Những nỗi buồn khơi dậy

Hồ đình Nam

Gần cuối năm, trời London trở lạnh đột ngột và buổi chiều sương mù dày đặc. Tan việc, tôi chọn con đường dài yên tĩnh phía sau để đi về nhà. Con đường rất quen thuộc nhưng không bao giờ tôi nhớ tên, như những con đường thật gần gũi ở Huế trong trí nhớ của tôi. Ngày nay, đầu người ta đã đổi tên đường và thay tên trường bằng Nguyễn thị Minh Khai, Trần Phú hay gì gì chẳng nữa, với tôi trường Đồng Khánh vẫn nằm kề cận trường Quốc Học và đường Hàn Thuyên vẫn là con đường có quán cà phê cô Dung thuở xưa. London chiều nay là Huế rất đổi thân yêu của những ngày tháng cũ.

Huế không phải chỉ có lăng tẩm các vị vua triều Nguyễn, không chỉ có những con đường âm u trong Thành Nội, cũng không hẳn chỉ đẹp vì có dòng sông Hương hiền hòa hay đặc biệt vì nơi có chuyện ngủ đò trên sông nước. Một người khách ở xa đến Huế ăn tô bún bò hay bát cơm hến cay xè những ớt, rồi đi thăm cung điện ngày xưa, rồi hưởng qua những ngày mưa dầm rét mướt triền miên thì *làm răng mà đã biết Huế cho được!*

Tâm tình người Huế nằm trong tiếng nói mà đa phần là ngôn ngữ của những giọt nước mắt lặng lẽ dành cho những hạnh phúc rất hiếm hoi. Đưa con đi xa nhà trở về, người mẹ Huế mừng cũng khóc, đến khi từ biệt, mẹ cũng đau đớn sụt sùi. Nước yêu thương đó tiết ra nhạt nhòa đôi mắt rồi mới trở thành những giọt lệ chảy từ tốn xuống sau. Những người mẹ Huế không có khăn tay để lau nước mắt. Hãy để yên cho Mẹ dùng vạt áo dài che mặt để thấm đi những thổn thức trong lòng.

Người Huế sống rất giản dị. Đa số là những công chức với những đồng lương cố định hằng tháng. Phương tiện di chuyển thường là xe đạp hoặc mô-bi-lét. Và họ không đòi hỏi gì hơn. Thành phần đông đảo hơn cả là sinh viên và học sinh. Sáng tinh sương, ra đường ta chỉ thấy cảnh học trò đi học. Thành phố ngập áo trắng đổ về các trường lớp. Dòng người nối đuôi nhau yên lặng giữa không khí trong lành buổi sớm mai. Bên kia sông, khu hữu ngạn, trên con đường Lê Lợi, từ bến đò Thừa Khâm kéo dài lên nhà ga chính, khoảng hơn cây số, ta có thể đếm được các trường Đại học Sư Phạm, Văn Khoa, Khoa Học, Y khoa, trường Bán Công, trường Providence, trường Đồng Khánh, trường Quốc Học, trường Luật, trường Pellerin...

Các cô gái Huế, khách quan do sống tuổi học trò dưới điều kiện kinh tế gia đình như vậy nên mỗi khi đi học về là phải xuống bếp phụ việc cơm nước với mẹ để lo hai bữa ăn chính cho gia đình, vô tình chuyện quán xuyến việc nhà đã trở thành cái nếp. Tôi

chưa từng nghe có lời phàn nàn nào của đấng phu quân khi lấy những cô gái Huế làm vợ đã nghi ngờ về lòng chung thủy, về cách cư xử với chồng con, về cách tiêu pha và tài nấu ăn của các bà ấy.

Các cô gái Huế ở vào thế hệ tôi, từ khoảng 1956 tới năm 1963 đã không theo thời gian và những biến đổi chính trị mà phôi pha trong lòng hình ảnh của những Như Bá với “tóc dài thả gió lê thê”, Diễm My, Liên Hà, Thu Sương, Tương Giang “Quân tại Tương giang đầu, thiếp tại Tương giang vĩ, tương tư bất tương kiến...” ( Ôi, những mối tình tâm thì làm sao mà tương kiến được!). Và vô vàn những giai nhân khác. Các cô gái Huế, cô nào cũng đẹp. Thuộc thế hệ lớp trước, tuy chưa một lần biết mặt mà tên tuổi như in sâu trong trí nhớ những Trà My, Hồng Nghệ, Trâm Anh, Diệu Tường, Diệu Phước... Các Công Tăng Tôn Nữ, các Nguyễn Khoa Diệu... mỗi khi đọc thầm đã thấy đời rất đổi đáng yêu. (Đêm khuya, sau những thao thức bài vở, tóm lấy bộ Lục Mạch Thần Kiếm của Kim Dung cũng chỉ ước mơ khi chết được phong làm quý phong lưu).

Sống từ nhỏ cho đến lớn qua các trường tiểu học Trần Quốc Toản rồi trung học Hàm Nghi, rồi Quốc Học, rồi đại học Luật Khoa. Huế đối với tôi bao dung như tấm lòng người mẹ đối với đứa con hư. Sau này, từ năm 65 bỏ Huế ra đi, mỗi khi có dịp trở về, khi xe chạy qua Quận Hương Thủy, lòng tôi đã ấm hẳn và thấy nao nức của một người biết mình sắp được “*tắm lại hai lần trong một dòng sông*”.

Bạn bè cũ của tôi ở Huế không còn ai, nhưng tôi đã dẫm lên những bước chân cũ của mình mấy năm về trước khi đi trở lại những con đường không-thay-đổi-với-thời-gian trong khu Thành Nội và dọc theo chiều dài con đường Lê Lợi đầy bóng cây ngày cũ. Tôi đã bắt gặp những người cảnh sát gia (nổi lo lắng tuổi nhỏ của tôi vì đi xe đạp không gắn đèn) giờ vẫn còn tại chức. Những người lính già Sư Đoàn 1 vẫn còn tại ngũ, hiền lành ôm đứa cháu vào lòng ru ngủ trong khi vẫn mặc quần xà lỏn và trên người khoác chiếc áo trận có thêu phù hiệu xanh hình số 1 màu trắng phía cầu vai.

Chế độ Miền Nam hoàn toàn sụp đổ kể từ 30.4.75. Sự sụp đổ đó, tất nhiên có nhiều nguyên nhân. Theo tôi, nguyên nhân chính do bởi Miền Nam mức độ tàn bạo đã không đủ để đối phó cho cân bằng với chủ trương sắt máu của phía bên kia. Miền Nam nói chung, ở Huế nói riêng, thầy, cô đã cho chúng tôi học cuốn sách giáo khoa “*Tâm hồn cao thượng*” của Amicis do Hà Mai Anh dịch. Đó là quyển sách của tuổi thơ, là thứ gối đầu giường của cả thế hệ tôi. Mấy chục năm trôi qua mà tôi vẫn thuộc nằm lòng:...”*An Di ơi, một ngày kia con sẽ là một người lính như anh con vậy. Nếu con có phải ra trận, con hãy chiến đấu cho hết lòng, vì đó là bổn phận của con. Nhưng nếu kẻ thù của con có bị thương thì con hãy xem đó như một người anh em đáng thương hại...*”

Giờ đây, nhớ lại 40 năm cũ, tôi vẫn tin chắc rằng, không một ai, những người vốn là sỹ quan, là lính. hay những người có liên hệ trực tiếp đến cuộc chiến cũ của miền Nam, lại có cái tiếc nuối: giá lúc đó mình có thể tàn bạo được như những người phía bên kia.

Tôi không thể nào quên được những cái chết oan khiên của hàng ngàn gia đình ở Huế trong Tết Mậu Thân. Những hố chôn tập thể, những vành khăn trắng chít vào đầu, tang tóc ngập lụt phố phường đổ nát. Thành Nội tan hoang gạch đá gò đống cao thấp. Tôi đã đi qua cửa Thượng Tứ, nhìn thấy một chiếc xe Jeep bị bắn cháy. Trên tay lái còn trơ lại cái sọ người của một quân nhân, nghe nói là Đại úy thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh. Kề cận tử thi là dấu vết còn sót lại của hai cái bếp nấu ăn với sáu viên gạch và nồi niêu ám khói của lính Bắc quân. Ở cửa Đông Ba thì mất tiêu mái, chỉ còn lại chông chơ phần vòm cửa Chính Đông cũ. Trên lầu, trong đống gạch ngổn ngang còn xác bốn người lính phương Bắc tử thủ với hai khẩu đại liên phòng không 12ly 7. Chân bốn người có khóa buộc chặt vào súng. Tôi chưa bao giờ và sẽ không bao giờ ngưỡng mộ sự quyết tử có tính cách mù quáng như vậy.

Cuối cùng thì Huế trút hơi thở vào cuối tháng 3 năm 75. Tôi có nỗi buồn và đau đớn như vừa mất đi một người thân yêu nào đó. Tôi biết chắc là tôi sẽ xa Huế vĩnh viễn, dấu trong đời có lúc tôi cũng sẽ có điều kiện để trở về chăng nữa. Tôi đã ở trong trại tù cải tạo bảy năm. Suốt thời gian dài lê thê đó, tôi đã nhớ Huế, nhớ đến quãng đời trong sáng thủa còn là học sinh, sinh viên của mình như trước giờ chết tôi đã hồi tưởng lại. Từ năm 85 đến nay, tôi định cư tại nước Anh, vẫn không thoát khỏi nỗi nhung nhớ Huế mỗi khi trời se lạnh vào những ngày mưa dai dẳng, trời tối mịt mù.

Xin tha thứ cho tôi về tội đã khơi lại người và chuyện xưa ở Huế. Riêng tôi, tôi sẽ không tự tha thứ (cho mình) mỗi khi nhớ đến Huế mà lại bỏ sót hình ảnh của anh Huế đứng phát tờ “programme” cho rạp cine’ Tân Tân, người mà thường lúc tôi mơ ước được hóa thân để chen lẫn trong đám nữ sinh Đồng Khánh vào giờ tan học và hưởng được thứ hạnh phúc không mấy ai có đó.

Và sau cùng là Mụ Mới, chủ đò ở đầu đường Hàng Bè, gần chân cầu Gia Hội, lúc nào cũng sẵn sàng chặn đầu bọn thanh niên lại, để nói: “Ở Huế ni mà không biết Mụ-Mới-Văn-Nghệ ở Liên gia 86 rãng em?”. Chỉ vì câu nói băng quơ của Mụ mà sau đó, tôi đã xuống thăm liên gia 86 nhiều lần trong đời, mỗi khi thấy mình có điều chi thất chí.

Hồ Đình Nam  
Trích trong “Cuối Đường Phiêu Lãng”